

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1014/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính

Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Quyết định số 585/QĐ-BKHĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Nội dung thủ tục hành chính "*Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp*" được ban hành tại Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Duy Đông;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND, Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- TTTH (để đưa tin, cập nhật trên cổng dịch vụ công của Bộ);
- Các đơn vị: Vụ PC, TCCB, VPB₂ (P.KSTH);
- Lưu: VT, PTDN⁶⁴

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG VÀ CẤP TỈNH				
1	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) - Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 	Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tại Trung ương và địa phương	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	MÃ TTHC
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV - Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 	Cơ quan đầu mối thuộc Bộ và cơ quan ngang Bộ được giao tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên	<u>1.005100</u>
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV 	Sở Kế hoạch và Đầu tư các địa phương	<u>2.001999</u>

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	MÃ TTHC
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV 	Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và tổ chức hiệp hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh	<u>1.005077</u>
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV 	Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV của địa phương	<u>2.002003</u>

Phụ lục II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

1. Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa lập hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ và gửi (trực tiếp hoặc trực tuyến) tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét hồ sơ, quyết định và có thông báo (bằng văn bản hoặc trực tuyến) cho doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện hỗ trợ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đáp ứng yêu cầu.

- Trường hợp doanh nghiệp chưa đủ điều kiện hỗ trợ, cơ quan hỗ trợ DNNVV thông báo (bằng văn bản hoặc trực tuyến) cho doanh nghiệp biết.

- Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở văn bản phê duyệt hỗ trợ. DNNVV chi trả phần kinh phí không được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có).

Sau khi dịch vụ hỗ trợ hoàn thành, cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành nghiệm thu, thanh lý và thanh toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có).

- Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo:

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu xác định bao gồm:

+ Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

+ Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu bao gồm:

+ Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;

+ Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;

+ Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

- Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến.

+ Đối với DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam: Tài liệu xác định quy mô là DNNVV.

+ DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi: Tài liệu là tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.

+ DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi: tài liệu là xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.

- Các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có)

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV; doanh nghiệp nhỏ và vừa.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo phê duyệt hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017;

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức tư vấn gửi hồ sơ đăng ký tham gia mạng lưới đến bộ, cơ quan ngang bộ phù hợp để được công nhận. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì gửi bản dịch tiếng Việt có chứng thực.

- Tư vấn viên truy cập vào Cổng thông tin, đăng ký và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp tài khoản để cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên. Tư vấn viên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được công khai trên Cổng thông tin.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến tới đơn vị được giao đầu mỗi tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.

c) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên:

(1) Đối với trường hợp cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên;
- Sơ yếu lý lịch và hồ sơ tóm tắt năng lực;
- Bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo;
- Bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp.

(2) Đối với trường hợp tổ chức tư vấn:

- Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên;
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập;
- Hồ sơ tóm tắt năng lực; bản sao có chứng thực hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức;
- Bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật (đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị đầu mối thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tư vấn viên, tổ chức tư vấn được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV.

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên; Sơ yếu lý lịch và hồ sơ tóm tắt năng lực (đối với cá nhân tư vấn); Hồ sơ năng lực tổ chức tư vấn (đối với tổ chức tư vấn) (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017;

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tư vấn, hướng dẫn;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí các nội dung:

- + Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp;
- + Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

c) Thành phần hồ sơ:

- Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế;

- Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), ở khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh hoặc doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ Hộ kinh doanh được nhận những hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn.

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017;

+ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

PHỤ LỤC 01

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ
(Kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:Email:

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên: Có Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:.....

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Trong đó, số lao động nữ:

Tổng nguồn vốn:.....

Tổng doanh thu năm trước liền kề:.....

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

 Doanh nghiệp siêu nhỏ Doanh nghiệp nhỏ Doanh nghiệp vừa

5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

 Hỗ trợ công nghệ:..... Hỗ trợ tư vấn:..... Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:..... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

.....

 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:.....

.....

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

PHỤ LỤC 01

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ
(Kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên: Có Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:.....

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Trong đó, số lao động nữ:

Tổng nguồn vốn:.....

Tổng doanh thu năm trước liền kề:.....

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

 Doanh nghiệp siêu nhỏ Doanh nghiệp nhỏ Doanh nghiệp vừa

5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

 Hỗ trợ công nghệ:..... Hỗ trợ tư vấn:..... Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:..... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

.....

 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:.....

.....

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

PHỤ LỤC 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN
NGÀNH

(Đối với cá nhân tư vấn)

Kính gửi: – Bộ

Tôi tên là:

Đơn vị công tác, chức danh (nếu có):

Địa chỉ liên hệ:

Kinh nghiệm hoạt động tư vấn:..... tháng/năm, trong lĩnh vực *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đã thực hiện)*:

Số hợp đồng tư vấn đã thực hiện trong 36 tháng gần nhất:

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, tôi đề nghị được tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành, lĩnh vực tư vấn..... *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm)*.

(Kèm Hồ sơ năng lực cá nhân tại Biểu 1 và các giấy tờ liên quan, nếu có).

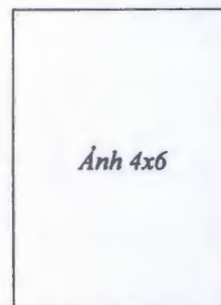
Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

**SƠ YẾU LÍ LỊCH VÀ HỒ SƠ NĂNG LỰC
CÁ NHÂN TƯ VẤN**



1. Lĩnh vực tư vấn đề xuất (liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm):

2. Thông tin chung về tư vấn

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Tên tổ chức, cơ quan đang làm việc (nếu có):

Tên của các tổ chức, hiệp hội/hội nghề nghiệp đang tham gia (nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Quốc tịch:

Chứng minh thư/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Nơi cấp:Ngày cấp

Thông tin liên hệ:

- Số điện thoại:

- Email:

- Địa chỉ các trang mạng xã hội cá nhân (nếu có):

3. Trình độ đào tạo: (Liệt kê các ngành học đã tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp)

STT	Thời gian học	Tên trường	Ngành học	Bằng tốt nghiệp
...

4. Các khóa đào tạo ngắn hạn liên quan đến lĩnh vực tư vấn (Liệt kê các khóa đào tạo ngắn hạn đã tham gia và được cấp chứng chỉ/chứng nhận):

STT	Tên khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Địa điểm tổ chức	Thời gian tổ chức
...

5. Trình độ ngoại ngữ (Cho biết mức độ thành thạo theo các mức đánh giá: Xuất sắc, Tốt, Trung bình hoặc Yếu)

STT	Ngôn ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
...

6. Quá trình công tác: (Theo thứ tự thời gian từ gần nhất đến xa nhất các công việc đã thực hiện):

1	Năm công tác
	Đơn vị công tác:
	Các chức danh và nhiệm vụ chính:

7. Các dự án/hợp đồng tư vấn đã thực hiện:

STT	Nội dung	Mô tả
-----	----------	-------

1	Tên dự án/hợp đồng
	Thời gian thực hiện
	Địa điểm thực hiện
	Đơn vị thuê/chủ dự án
	Chức danh tại dự án/hợp đồng
	Các nhiệm vụ chính đã thực hiện
2	

8. Các ấn phẩm, bài báo, đề tài có liên quan đến lĩnh vực tư vấn đã xuất bản hoặc tham gia

STT	Ấn phẩm	Vai trò (chủ biên, thành viên..)	Đơn vị xuất bản	Năm
1	Sách.....			
2	Bài báo.....			
3	Báo cáo...			
4	Nghiên cứu.....	

9. Người đối chiếu thông tin (Thông tin của tối thiểu 03 người có thể xác minh các thông tin đã kê khai)

STT	Họ và tên	Nơi công tác	Chức vụ	Số điện thoại	Email cá nhân
1
2
3
...

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN
NGÀNH
(Đối với tổ chức tư vấn)

Kính gửi: - Bộ

Chúng tôi là (tên tổ chức):

Địa chỉ liên hệ:

Kinh nghiệm hoạt động tư vấn của tổ chức:..... tháng/năm

Các lĩnh vực thực hiện tư vấn: (liệt kê các lĩnh vực tư vấn tổ chức đã thực hiện):

Tổng số hợp đồng tư vấn đã thực hiện trong 36 tháng gần nhất:

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, chúng tôi đề nghị được tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành, lĩnh vực tư vấn..... (liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của tổ chức).

(Kèm Hồ sơ năng lực tổ chức/công ty tại Biểu 2 và các giấy tờ liên quan, nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Đại diện hợp pháp của tổ chức tư vấn
(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

HỒ SƠ NĂNG LỰC TỔ CHỨC TƯ VẤN

1. Giới thiệu về tổ chức: tóm tắt quá trình hình thành, phát triển, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và các thông tin liên quan khác.

2. Thông tin của tổ chức:

Tên tổ chức:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Quyết định thành lập (nếu có):

Loại hình hoạt động của tổ chức:

Tên người đại diện theo pháp luật:

Điện thoại/Email:

3. Lĩnh vực, dịch vụ tư vấn: ghi rõ các lĩnh vực, dịch vụ tư vấn tổ chức đang thực hiện.

4. Các dự án/hợp đồng tư vấn đã thực hiện (liệt kê trong 36 tháng gần nhất)

STT	Tên dự án/hợp đồng tư vấn	Thời gian thực hiện	Thông tin khách hàng	Nội dung tư vấn (mô tả về nội dung đã tư vấn và kết quả sau khi tư vấn)
1				
2				

5. Thông tin về tư vấn cá nhân thuộc tổ chức (Liệt kê danh sách tư vấn cá nhân đã làm việc từ 12 tháng trở lên tại tổ chức):

STT	Tên cá nhân tư vấn	Lĩnh vực tư vấn	Kinh nghiệm tư vấn	Thời gian làm việc tại tổ chức tư vấn
1				
2				
3				

(Gửi kèm Hồ sơ năng lực của từng tư vấn cá nhân đang hoạt động trong các lĩnh vực tư vấn mà tổ chức dự kiến đăng ký vào mạng lưới theo mẫu tại Biểu 1 Phụ lục 2 Thông tư này).

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Đại diện hợp pháp của tổ chức tư vấn
 (Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)